TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 204/2023/DS-ST
Ngày: 14/9/2023
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 535/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: khóm VQ, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: khóm VQ, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1981; (Có mặt)

2.2. Ông Lê Vũ P, sinh năm 1975. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu dân cư chợ CP, khóm VH, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2021 và quá trình tố tụng ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vào ngày 23/4/2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P có vay số tiền là 120.000.000đ, thời gian vay là 01 tháng (kể từ ngày 23/4/2020 đến ngày 23/5/2020) có làm Hợp đồng vay tiền. Về lãi thỏa thuận miệng giữa các bên là lãi suất 1,5%/tháng, trả lãi hàng tháng. Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P có trả lãi được 5 tháng, mỗi tháng 1.800.000đ, tổng cộng là 9.000.000đ thì ngưng không trả lãi đến nay. Do đó, ông yêu cầu bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P trả tiền nợ gốc cho ông là 120.000.000đ, yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 24/9/2020 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Ngày 15/10/2020 vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P tiếp tục vay của ông T số tiền 150.000.000đ (kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/11/2020) có làm Hợp đồng vay tiền. Về lãi thỏa thuận miệng giữa các bên là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G chưa trả lãi cho ông được đồng nào. Do đó, ông yêu cầu ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G trả tiền gốc cho ông là 150.000.000đ và tính lãi kể từ ngày 15/10/2020 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,5%/tháng.

Đối với 02 Hợp đồng vay tiền gồm Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020 và Hợp đồng vay tiền ngày 04/9/2020 mà bên bà Nguyễn Thị G nộp cho Tòa thì các biên nhận đó tất toán xong tôi trả lại cho bà Nguyễn Thị G và ông Lê Vũ P.

Quá trình chuẩn bị xét xử bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P trình bày: Thừa nhận có vay ông T số tiền 150.000.000đ thì bà Nguyễn Thị G đóng lãi hằng ngày 750.000đ/1 ngày. Đối với 120.000.000đ thì ông bà không có vay và không có ký biên nhận và lăn tay vào biên nhận ngày 23/4/2020 và không có nhận tiền. Tuy nhiên có mượn tiền góp 100.000.000đ góp mỗi ngày là 1.000.000đ góp 120 ngày, bà đã góp được 60 ngày, trả tiền lời 10.000.000đ tổng cộng là: 70.000.000đ.

Tại phiên toà,

Ông Nguyễn Minh T1 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T trình bày: Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền gốc còn nợ là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), rút lại đối với yêu cầu tính lãi có nghĩa là ông chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn mà không yêu cầu tính lãi. Số tiền 270.000.000đ nguyên đơn cho vợ chồng bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P vay hai lần một lần vào ngày 23/4/2020 để buôn bán, một lần vào ngày 15/10/2020 để xây nhà. Thống nhất Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà có vay số tiền 150.000.000đ theo biên nhận ngày 15/10/2020 nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà không có tiền trả nên không đồng ý trả; đối với số tiền 120.000.000đ nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà có vay và ký hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2020 thì bà không đồng ý vì bà không có ký tên hay lăn tay vào hợp đồng này. Bà biết chữ, biết đọc nhưng không rành lắm, khi ký tên, lăn tay vào giấy tờ cho vay bà đều có đọc lại. Bà có trả lãi nhiều lần cho nguyên đơn nhưng trả bao nhiêu thì bà không nhớ, bà cũng không có ý kiến đối với phần lãi đã đóng. Bà cũng không có ý kiến đối với kết luận giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà với ông Lê Vũ P.

Ông Lê Vũ P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn; Về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: HĐXX thấy rằng, ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G trả số tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thời hiệu: Đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên HĐXX không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tống đạt thông báo kết quả cho đương

sự theo quy định. Do đó, Tòa án sẽ xem xét các tài liệu, chứng cứ này để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền theo hợp đồng ngày 15/10/2020:

HĐXX thấy rằng, nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ gốc đã vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 15/10/2020 là 150.000.000đ, bị đơn ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G thừa nhận có nợ số tiền này. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P có vay của ông Nguyễn Minh T với số tiền 150.000.000đ.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc nên ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm liên đới trả trả cho ông Nguyễn Minh T 150.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 15/10/2020.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền theo hợp đồng ngày 23/4/2020:

Căn cứ Kết luận giám định ngày 14/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thể hiện:

1. Chữ ký và chữ viết họ tên Lê Vũ P dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên hợp đồng vay tiền, ngày 23/4/2020 (Ký hiệu: A) so với chữ ký và chữ viết họ tên Lê Vũ P trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra;

2. Dấu vân tay in dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" tại vị trí viết tên Nguyễn Thị G trên hợp đồng vay tiền, ngày 23/4/2020 (Ký hiệu: A) so với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái của Nguyễn Thị G trên 02 (hai) Biên bản thu thập chứng cứ lập ngày 10/02/2023 tại Công an huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Ký hiệu: M1, M2) là của cùng một người in ra.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P cho rằng không ký tên, lăn tay vào hợp đồng ngày 23/4/2020. Căn cứ vào kết luận Kết luận giám định ngày 14/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thể hiện ông Lê Vũ P có ký tên, ghi họ tên của mình, bà Nguyễn Thị G có lăn tay vào hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2020. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P không có chứng cứ gì khác chứng minh không có sự tồn tại của hợp đồng này. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Minh T

với ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G có giao kết hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2020.

Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P cho rằng không có nhận tiền số tiền 120.000.000đ theo hợp đồng ngày 23/4/2020 như trình bày của ông Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung hợp đồng thể hiện "Bên A là ông Nguyễn Minh T, bên B là bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P; 1. Bên A cho bên B vay và bên B đồng ý vay số tiền là 120.000.000 VNĐ; 4. Thời hạn vay tiền là: 01 tháng (kể từ ngày 23/4/2020 đến ngày 23/5/2020); 7. Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng thì bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao". Như vậy, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G đã nhận số tiền 120.000.000đ của ông Nguyễn Minh T.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Từ những phân tích và quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc ông Lê Vũ P và bà Nguyễn Thị G phải chịu trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông Nguyễn Minh T số tiền 120.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 23/4/2020 là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu về lãi, lãi suất nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút lại yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] về chi phí tố tụng:

Ông T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu chi phí giám định. Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P bị buộc chịu trách nhiệm trả tiền nên phải chịu chi phí giám định là 3.000.000đ, do ông T đã nộp tạm ứng nên bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P phải trả cho ông T 3.000.000đ chi phí giám định là phù hợp với quy định tại Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị G, ông Lê Vũ P bị buộc chịu trách nhiệm trả 270.000.000đ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280; Điều 288; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với yêu cầu tính lãi sau: Trên số tiền nợ gốc 120.000.000đ kể từ ngày 24/9/2020 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng; Trên số tiền nợ gốc 150.000.000đ kể từ ngày 15/10/2020 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,5%/tháng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền nợ gốc là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G phải hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định.

4. Về án phí:

Ông Lê Vũ P, bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Minh T được nhận lại 8.900.000đ (Tám triệu chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003240 ngày 25/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Văn Hoà